

Nội dung bộ **20 bài tập trắc nghiệm Hóa 12 Bài 6: Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ** được chúng tôi sưu tầm và tổng hợp kèm đáp án và lời giải được trình bày rõ ràng và chi tiết. Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo dưới đây.

Bộ 20 bài tập trắc nghiệm: Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ có đáp án và lời giải chi tiết

Bài 1: Khẳng định nào sau đây đúng ?

- A. Glucozo và fructozơ đều là hợp chất đa chức.
- B. Glucozơ và fructozơ là đồng phân của nhau.
- C. Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân của nhau vì đều có thành phần phân tử là $(C_6H_{10}O_5)_n$.
- D. Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit, dễ kéo thành tơ.

Bài 2: Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác axit sunfuric đặc, nóng. Để có 29,7 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng tính theo axit là 90%). Giá trị của m là

- A. 30. B. 10. C. 21. D. 42.

Bài 3: Nhận định nào sau đây không đúng ?

- A. Trong công nghiệp, glucozơ được điều chế bằng cách thủy phân tinh bột hoặc xenlulozơ.
- B. Glucozơ là chất dinh dưỡng và làm thuốc tăng lực cho người già, trẻ em và người ốm.

C. Trong mật ong, hàm lượng glucozơ lớn hơn fructozơ.

D. Cả glucozơ và fructozơ đều tham gia phản ứng tráng bạc.

Bài 4: Thủy phân m gam tinh bột thu được m gam glucozơ. Hiệu suất phản ứng thủy phân là

A. 60% B. 75% C. 80% D. 90%

Bài 5: Nhận xét nào dưới đây là đúng khi so sánh giữa xenlulozo và tinh bột ?

A. Xenlulozo có phân tử khối lớn hơn nhiều so với tinh bột.

B. Xenlulozơ và tinh bột khi cháy đều thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O .

C. Xenlulozơ có cấu trúc phân nhánh, còn tinh bột có cấu trúc thẳng.

D. Xenlulozo và tinh bột đều tan trong nước nóng.

Bài 6: Có thể phân biệt xenlulozơ với tinh bột nhờ phản ứng

A. với axit H_2SO_4 . B. với kiềm.

C. với dung dịch iot. D. thủy phân

Bài 7: Một cacbohidrat không có tính khử. Thủy phân hoàn toàn 8,55 gam X rồi cho sản phẩm tác dụng với dung dịch AgNO_3 trong amoniác, đun nhẹ thu được 10,8 gam Ag. X là

A. xenluloza. B. saccarozơ. C. glucozơ. D. fructozơ.

Bài 8: Thủy phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

A. 250 gam. B. 300 gam. C. 360 gam. D. 270 gam,

Bài 9: Nhận xét nào dưới đây là sai ?

A. Saccaroza là một đisaccarit.

B. Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit, chỉ khác nhau về cấu tạo của gốc glucozơ.

C. Khi thủy phân saccarozơ, thu được glucozơ và fructozơ .

D. Khi thủy phân đến cùng, tinh bột và xenlulozơ đều cho glucozơ.

Bài 10: Đốt cháy m gam hỗn hợp gồm glucozơ, saccarozơ và tinh bột cần V lít O_2 , (đktc) và a gam nước. Mối quan hệ giữa m , V và a là

A. $m = 44 \frac{V}{22,4} + a$ B. $m = 44 \frac{V}{22,4} + 18a$

C. $m = 12 \frac{V}{22,4} + a$ D. $m = 12 \frac{V}{22,4} + 2a$

Bài 11: Chất nào sau đây là đisaccarit ?

A. glucozo B. saccarozo C. tinh bột D. xenlulozo

Bài 12: Chất nào sau đây có mạch cacbon phân nhánh ?

A. amilozo B. amilopectin C. saecarozơ D. xenlulozo

Bài 13: Nhận định nào sau đây không đúng ?

A. Glucozo, fructozo, saccarozơ đều hoà tan được $Cu(OH)_2$.

B. Glucozo, fructozo đều có phản ứng tráng bạc.

C. Cho I_2 vào dung dịch hồ tinh bột rồi đun nóng thì thu được dung dịch màu xanh tím.

D. Xenlulozo phản ứng với HNO_3 dư có xúc tác thích hợp tạo xenluloza trinitrat.

Bài 14: Khi thủy phân saccarozo, sản phẩm thu được là

A. glucozo và fructozo. B. glucozo.

C. fructozo. D. tinh bột.

Bài 15: Phát biểu nào sau đây là đúng ?

A. Saccarozo làm mất màu nước brom.

B. Xenlulozo có cấu trúc mạch phân nhánh,

C. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.

D. Glucozo bị khử bởi dung dịch- $AgNO_3$ trong NH_3 .

Bài 16: Khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít ancol etylic 46° là (biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 g/ml)

A. 5,4 kg. B. 5,0 kg. C. 6,0 kg. D. 4,5 kg.

Bài 17: Khối lượng saccarozo thu được từ 1 tấn nước mía chứa 13% saccarozo, với hiệu suất thu hồi đạt 80% là

A. 104kg. B. 140kg. C. 105 kg D, 106kg.

Bài 18: Ancol etylic được điều chế từ tinh bột bằng phương pháp lên men với hiệu suất toàn bộ quá trình là 90%. Hấp thụ toàn bộ lượng CO_2 sinh ra khi lên men m gam tinh bột vào nước vôi trong, thu được 330 gam kết tủa và dung dịch X. Biết khối lượng X giảm đi so với khối lượng nước vôi trong ban đầu là 132 gam. Giá trị của m là

A. 405 B. 324 C. 486 D. 297

Bài 19: Thủy phân hoàn toàn 3,42 gam saccarozo trong môi trường axit thu được dung dịch X. Cho toàn bộ dung dịch X phản ứng hết với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 43,20. B. 4,32. C. 2,16. D. 21,60.

Bài 20: Đốt cháy hoàn toàn 0,5130 gam một cacbohidrat (X) thu được 0,4032 lít CO_2 (đktc) và 2,97 gam nước. X có phân tử khối nhỏ hơn 400 và không có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Tên gọi của X là

A. glucozơ. B. saccarozơ.

C. fructozơ. D. mantozơ.

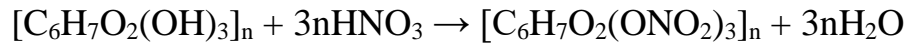
Đáp án và lời giải chi tiết bộ 20 câu hỏi trắc nghiệm Hóa 12 Bài 6: Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ

Bài 1:

Đáp án: B

Bài 2:

Đáp án: B



Bài 3:

Đáp án: C

Bài 4:

Đáp án: D

Bài 5:

Đáp án: A

Bài 6:

Đáp án: C

Bài 7:

Đáp án: B

Bài 8:

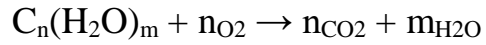
Đáp án: D

Bài 9:

Đáp án: B

Bài 10:

Đáp án: C



$$m = (44 - 32) \cdot \frac{V}{22,4} + a = 12 \cdot \frac{V}{22,4} + a$$

Bài 11:

Đáp án: B

Bài 12:

Đáp án: B

Bài 13:

Đáp án: C

Bài 14:

Đáp án: A

Bài 15:

Đáp án: C

Bài 16:

Đáp án: D

$$n_{C_2H_5OH} = \frac{5.1000.46}{100.46} \cdot 0,8 = 40(mol)$$

$$m = 162 \cdot \frac{40}{2.0,72} = 4500 (gam) = 4,5 kg$$

Bài 17:

Đáp án: A

Bài 18:

Đáp án: A

Bài 19:

Đáp án: B

Bài 20:

Đáp án: B

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về Bộ 20 bài tập trắc nghiệm Bài 6: Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ có đáp án và lời giải chi tiết file PDF hoàn toàn miễn phí.